

DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ

KHẢO SÁT VIỆC DẠY VÀ HỌC TỪ NGỮ KHÔNG THÔNG DỤNG VỚI ĐỊA PHƯƠNG SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA TIỂU HỌC

LÊ THỊ NGỌC DIỆP

(Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm, Tp Hồ Chí Minh)

Ngoài từ vựng toàn dân, sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học còn đưa vào một số từ ngữ không thông dụng với địa phương với tỉ lệ 0.3% trong tổng số lượt từ được sử dụng. Việc sử dụng loại từ ngữ này trong sách giáo khoa (SGK) tuy chỉ dừng lại ở mức độ rất thấp nhưng đó cũng là vấn đề được giáo viên – những người trực tiếp giảng dạy – quan tâm và có nhiều ý kiến thắc mắc. Bài viết này trình bày một số vấn đề về việc giảng dạy của giáo viên và sự lĩnh hội, vận dụng của học sinh tiểu học về loại từ ngữ này.

1. Số lượng và vấn đề giải nghĩa từ ngữ không thông dụng với địa phương sử dụng sách trong SGK tiếng Việt tiểu học

Theo thống kê của chúng tôi, từ ngữ địa phương phân bố trong SGK Tiếng Việt tiểu học như sau:

- Lớp Một :	27 / 4189 từ
- Lớp Bốn:	24 / 11 796 từ
- Lớp Hai :	34 / 12201 từ
- Lớp Năm:	24 / 13847 từ
- Lớp Ba :	43 / 14391 từ

Những từ ngữ loại này được đưa vào SGK Tiếng Việt lớp 1, 2, 3 thường là những từ vốn thông dụng ở các tỉnh thành phía Bắc: *chè, cái ô, thổi (cơm), trảy, ốm,*

... kể cả các loại hoa quả: hoa ngâu, hoa mộc, cây gạo, quả sấu,... và những con vật như: *gọng vó, săn sắt, thằn lằn, niễng niễng, xập xành.*

Những từ ngữ thông dụng ở miền Trung và miền Nam được chú ý đưa vào SGK, nhưng so với từ thông dụng ở miền Bắc thì còn rất ít. Tuy nhiên, thực tế đã có nhiều từ ngữ Bắc Bộ thông dụng được lan truyền ở nhiều vùng khác nhau trên khắp đất nước, và được sử dụng rộng rãi như từ toàn dân. Ví dụ: *bố, cái ô,...* Điều này cũng phù hợp với quy luật phát triển ngôn ngữ.

Lại có những từ ngữ được dùng trong văn cảnh rất cụ thể, rõ ràng, nhưng chỉ dễ hiểu đối với học sinh ở nhất định địa phương đó. Ví dụ: “*Đó là chàng kị sĩ rất bảnh....*” (SGK TV L4 T1, tr.134) hoặc “*Tâu bệ hạ, ban này cháu bị quan thị vệ đuổi, cuống quá nên...đứt dải rút ạ*” (SGK TV L4 T2, tr.144). Còn rất nhiều học sinh ở các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa sẽ không hiểu được nghĩa của từ “*bảnh*” và “*dải rút*” nếu giáo viên không giải thích. Trong câu hỏi của người mẹ ở bài tập đọc “Thưa chuyện với mẹ” (SGK TV L4 T1, tr.85): “*Ai xui con thế?*”, nếu giáo viên không giải thích thì học sinh sẽ không hiểu

được “xui” trong câu này có nghĩa là “bảo/xúi giục”.

Qua khảo sát thực tế giảng dạy ở một số trường tiểu học tại thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi được biết, khi dạy những bài có sử dụng các từ ngữ như: (con) gong vó, (con) săn sắt, (con) thầu dầu, (con) niềng niễng, (con) xập xành, ... giáo viên rất lúng túng, không tìm được tư liệu để giải thích cho học sinh hiểu nghĩa của từ một cách rõ ràng (bản thân giáo viên cũng không biết đó là gì!). Một số loài hoa được nêu trong sách cũng khá xa lạ đối với người dân miền Nam: *hoa mộc, hoa ngâu, ...* Hình ảnh để minh họa cho những con vật, những loài hoa cũng không được thể hiện trong SGK.

Giáo viên đã bỏ nhiều công sức để tra tìm nghĩa và hình ảnh minh họa của từ ngữ khó hiểu với học sinh địa phương (đối với những từ chỉ sự vật) được sử dụng trong SGK. Tuy nhiên, việc tìm hiểu nghĩa của từ không khó bằng việc giải nghĩa từ cho học sinh hiểu một cách đơn giản nhưng đầy đủ và chính xác, đặc biệt là đối với lứa tuổi học sinh tiểu học.

2. Kết quả khảo sát giáo viên

Trong quá trình khảo sát, chúng tôi đã trò chuyện và thu thập ý kiến của 200 giáo viên trực tiếp giảng dạy tiểu học ở bốn địa phương khác nhau: Vĩnh Long, thành phố Hồ Chí Minh (quận 1 và quận 12), Quảng Nam, Bắc Kạn. Qua phiếu khảo sát, chúng tôi thống kê được 46.5% giáo viên cho rằng việc sử dụng từ ngữ không thông dụng với địa phương sử dụng sách trong SGK Tiếng Việt tiểu học như hiện nay là phù hợp, 87.5% giáo viên nhận thấy việc đưa

loại từ ngữ này vào SGK để dạy học sinh tiểu học là cần thiết. Tuy nhiên, số lượng từ ngữ trong SGK như hiện nay thì quá ít. 100% giáo viên đề nghị bổ sung từ ngữ thông dụng ở các vùng miền, đặc biệt là Trung Bộ và Nam Bộ.

75% giáo viên tham gia khảo sát cùng gặp khó khăn chung khi giảng dạy loại từ ngữ này: “không biết chính xác cách dùng từ ngữ thông dụng của các vùng miền” và 31% giáo viên “không hiểu rõ nghĩa của loại từ ngữ được nêu trong SGK”. 8/200 giáo viên hoàn toàn không biết nghĩa của loại từ ngữ này trong một số bài tập đọc”. Chúng tôi xin liệt kê một số từ ngữ địa phương mà giáo viên ở các vùng miền khác nhau cho rằng khó tìm nguồn tư liệu để giải nghĩa nếu SGK không có phần chú thích:

- *Cây trám đen, con xạ, xà xẻo, quả nhót, bánh khúc, bánh rơm, đánh giậm, cây sồi,...* (giáo viên ở Quảng Nam)

- *Vịt xiêm, trái thơm, chén cơm,...* (giáo viên ở Bắc Kạn)

- *Đốc cày, quả nhót, niềng niễng, con muỗi,...* (giáo viên ở Vĩnh Long)

- *Cây núc nác, trám đen tẻ, trám đen nếp, niềng niễng, con muỗi, cà cuống, con xập xành, quạt hòm, rau diếp,...* (giáo viên ở Tp. Hồ Chí Minh)

Chính vì giáo viên không hiểu nghĩa của từ, không tìm được hình ảnh minh họa cho những từ ngữ loại này được nêu trong SGK nên khi chúng tôi chọn một số từ ngữ nêu trên đưa vào bài tập khảo sát của học sinh, kết quả nhận được cũng phù hợp với cảm nhận của giáo viên: trên 50% học sinh

tham gia khảo sát không xác định được từ có nghĩa như thế nào, biểu thị cho sự vật gì.

Nhận xét về mức độ tiếp thu và vận dụng loại từ ngữ này của học sinh, giáo viên đánh giá như sau: tốt – 13.5%; khá – 58.5%; trung bình – 28.0%. Kết quả này phù hợp với thực tế trong các bài khảo sát của học sinh.

3. Kết quả khảo sát học sinh

Cũng như giáo viên, chúng tôi tiến hành khảo sát học sinh lớp 5 ở bốn tỉnh và thành phố: Vĩnh Long, thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Nam, Bắc Kạn. Có 1000 học sinh tham gia làm bài tập khảo sát về loại từ ngữ này.

Khi yêu cầu học sinh sắp xếp các từ ngữ theo vùng, chúng tôi nhận thấy có một số từ thường dùng ở miền Nam được học sinh xếp vào nhóm từ ngữ miền Bắc và ngược lại, Chẳng hạn: *anh cả, ngan* được xếp vào nhóm từ ngữ thường dùng ở miền Nam, *vịt xiêm, bông* xếp vào nhóm từ ngữ thường dùng ở miền Bắc. Riêng từ *má* có 38.5% học sinh xếp vào nhóm từ ngữ miền Bắc và 33% học sinh xếp từ *mẹ* vào nhóm từ ngữ miền Nam. Chúng tôi rất ngạc nhiên khi 48% học sinh miền Nam (Vĩnh Long, thành phố Hồ Chí Minh) cho rằng từ *má* được dùng phổ biến ở miền Bắc và 36.3% học sinh chọn từ *sấn* là từ ngữ miền Nam (có lẽ do học sinh hiểu nhầm với “củ sấn” của miền Nam). Tương tự, khi phân loại các từ ngữ loại này theo nhóm sự vật, thực vật và động vật, học sinh rất lúng túng. Với những từ ngữ đã cho, có đến 92.1% học sinh không phân biệt được các từ ngữ thuộc nhóm sự vật, 50.1% không phân biệt

được các từ ngữ thuộc nhóm thực vật và 62.4% không phân biệt được các từ ngữ thuộc nhóm sự vật. Nguyên nhân chính dẫn đến kết quả này là do học sinh không hiểu nghĩa của từ nên phân loại không đúng các nhóm từ ngữ. Ví dụ: *ròng ròng, sắn sắn, gọng vó, cọn nước*, các em xếp vào nhóm sự vật; *cơi trâu, chõ xôi* thì xếp vào nhóm thực vật. Điều này cho thấy học sinh chưa có nhận thức đúng về từ ngữ không thông dụng với địa phương sinh sống, chưa phân biệt từ ngữ thường dùng ở từng vùng, nhất là những từ ngữ đã được học trong chương trình Tiếng Việt.

Đối với bài tập giải nghĩa từ bằng cách nối từ ngữ với nghĩa tương ứng cho trước, trên 95% học sinh thực hiện đúng, trong đó có 99.9% học sinh nối đúng nghĩa của từ *xuông*.

Ở bài tập điền từ đồng nghĩa, học sinh bộc lộ rõ nét thói quen sử dụng từ ngữ thông dụng ở địa phương của mình. Trong câu “*Sáng sớm, mọi người rủ nhau lên (nuơng/rẫy) bẻ (bắp/ngô)*”, có 72.5% học sinh miền Nam chọn *bắp* và 71.1% học sinh miền Bắc chọn *ngô*. Tương tự, khi yêu cầu tìm từ ngữ thay thế từ *xấu hổ*, chúng tôi thống kê những từ ngữ được học sinh sử dụng với tỉ lệ cao nhất như sau: 42% học sinh thành phố Hồ Chí Minh và 31% học sinh Vĩnh Long dùng từ *mắc cỡ*, 40.5% học sinh Bắc Kạn dùng từ *ngượng*, trong khi đó, 33.5% học sinh Quảng Nam sử dụng từ *dị*. Ngoài các từ ngữ được đa số học sinh sử dụng để thay thế cho *xấu hổ* nêu trên, còn có rất nhiều từ khác cũng được dùng như: *thẹn, ngại, quê, bẽ mặt, ...*

Cũng với yêu cầu tìm từ đồng nghĩa trong ví dụ: “Tôi không **bịa** đâu.”, từ *nói dối* được 50.7% học sinh lựa chọn. Ngoài ra, học sinh ở các vùng miền cũng có những lựa chọn khác nhau, ví dụ: *nói xạo*, *đặt chuyện* (miền Nam), *nói láo* (miền Trung), *nói khoác*, *nói điêu*,... (miền Bắc). Đặc biệt, chỉ có học sinh Bắc Kạn dùng từ *nói phét* với tỉ lệ 16%.

Có đến 41.8% học sinh hiểu sai và không biết về nghĩa của từ **hung** trong câu “Đất nước mình bây giờ mạnh **hung** rồi.”. Trong số các từ ngữ được học sinh sử dụng trong bài tập này, có nhiều từ ngữ được dùng không đúng với tỉ lệ cao, chẳng hạn: *mẽ*, *hung dữ*,... Tỉ lệ học sinh dùng từ sai trong câu này được thống kê như sau: Vĩnh Long 47.6%, thành phố Hồ Chí Minh 33.0%, Quảng Nam 38.0%, Bắc Kạn 48.5%. Kết quả này một lần nữa cho thấy học sinh chưa hiểu nghĩa của từ, thậm chí học sinh Bắc Kạn cũng không giải thích được từ ngữ thông dụng ở miền núi phía Bắc.

Qua kết quả khảo sát, chúng tôi nhận thấy học sinh sử dụng vốn từ vựng chung nhiều hơn từ ngữ thông dụng ở địa phương mình sinh sống. Người miền Nam thường nói “*giữ em*” nhưng khi yêu cầu học sinh chọn giữa từ *trông* và *giữ* thì có đến 57% học sinh Vĩnh Long và 65.4% học sinh thành phố Hồ Chí Minh chọn từ *trông* để điền vào câu “*Mẹ đi chợ, Hoa ở nhà trông em*”. Cũng trong câu này, có 811/1000 học sinh (81.1%) dùng từ *mẹ* để điền vào chỗ trống. Hiện tượng này phù hợp với nhận xét của Hoàng Thị Châu: “Cơ sở để phát triển ngôn ngữ dân tộc thường là một trong

những phương ngữ đã chiếm được địa vị lãnh đạo do những điều kiện phát triển nhất định của dân tộc, trong khi đó các phương ngữ khác mất dần tính độc lập của mình để hoà vào ngôn ngữ dân tộc, đồng thời làm cho ngôn ngữ dân tộc phong phú thêm lên bằng những nét địa phương của chúng” [7; 47].

Về phần giải nghĩa từ, 60.9% học sinh hiểu đúng nghĩa của từ **bê** trong câu “*Quả Đen không sao **bê** nổi chân ông lên*”. 74.1% học sinh giải nghĩa được từ **lựa** trong câu “*Sói mừng rơn, mon men lại phía sau, định **lựa** miếng dóp sâu vào đuôi ngựa cho ngựa hết đường chạy*”.

Đối với câu “*Tôi vẫn không sao quên được vị thơm ngậy, hăng hắc của chiếc bánh khúc quê hương*”, chỉ có 18.9% học sinh Bắc Kạn hiểu đúng nghĩa của từ **bánh khúc** và 16.7% học sinh thành phố Hồ Chí Minh nêu được “*bánh khúc là một loại bánh ở miền Bắc*”, không có em nào biết chính xác bánh được làm từ nguyên liệu gì và không nêu được tên của rau khúc – nguyên liệu đặc biệt không thể thiếu khi làm bánh khúc. Có em rất ngây thơ khi viết rằng: “*bánh khúc là một loại bánh được cắt ra từng khúc*”. Chúng tôi thật sự ngỡ ngàng khi thống kê kết quả bài làm của học sinh, bởi vì các em đã được học bài tập đọc “*Chỗ bánh khúc của dì tôi*” trong chương trình Tiếng Việt lớp 3. Chúng tôi chọn ngữ liệu này vì trong SGK không giải nghĩa từ **bánh khúc**. Có lẽ do giáo viên không giải thích rõ nên học sinh không hiểu, hoặc giáo viên cũng không biết chính xác nghĩa của từ nên giải thích qua loa khiến học sinh hiểu một cách máy móc.

Qua kết quả khảo sát, vấn đề nổi bật nhất mà chúng tôi ghi nhận được là sự tri nhận của học sinh về không thông dụng với từ ngữ địa phương mình sinh sống. Học sinh chỉ giải thích được nghĩa của từ khi các từ ngữ được giới thiệu cùng với nghĩa tương ứng cho trước, có thể sắp xếp không theo thứ tự. Phần lớn học sinh còn mơ hồ về nghĩa của loại từ ngữ này, không hiểu chính xác nghĩa của từ và không ít học sinh sử dụng từ ngữ khác hẳn trường nghĩa với từ ngữ đã cho.

Trong số các môn học được giảng dạy trong chương trình tiểu học hiện nay ở nước ta, môn Tiếng Việt chiếm thời lượng nhiều nhất trong tổng thời lượng của cả chương trình bậc học. Tất cả các trường tiểu học trên toàn quốc cùng sử dụng thống nhất một chương trình và một bộ SGK do Bộ Giáo dục và Đào tạo biên soạn. Chính phạm vi sử dụng rộng lớn như vậy, đòi hỏi sách giáo khoa Tiếng Việt cần phải có những từ ngữ không thông dụng với địa phương sử dụng sách nhằm giới thiệu chung cho học sinh cả nước, đồng thời góp phần bảo tồn được những chứng tích xa xưa của ngôn ngữ dân tộc.

Việc sử dụng loại từ ngữ này trong SGK Tiếng Việt bậc tiểu học như chúng tôi đã nêu trên đây là hợp lí. Tuy nhiên, tác giả biên soạn SGK cần lưu ý thêm về việc chú thích nghĩa của từ để giúp người dạy và người học hiểu đúng hơn nghĩa của chúng trong từng trường hợp cụ thể. Và nên chăng, để giúp học sinh tiểu học nắm bắt nghĩa của từ ngữ địa phương một cách dễ dàng và có hiệu quả, SGK Tiếng Việt cần bổ sung phần chú giải thật rõ ràng ở cuối mỗi bài tập đọc đối với những từ mới xuất

hiện lần đầu, hoặc ghi chú trong sách giáo viên về nghĩa của nhóm từ này để người dạy không bị lúng túng trong quá trình soạn giảng.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2000, *Chương trình tiểu học*. Nxb Giáo dục. Hà Nội.
2. Chu Thị Hà Thanh, *Một số vấn đề Văn – Tiếng Việt chương trình và sách giáo khoa Tiểu học*, Tài liệu Hội thảo khoa học “Những vấn đề về Sách giáo khoa Tiếng Việt Tiểu học – 2000”.
3. Đỗ Đình Hoan, 2002, *Một số vấn đề cơ bản của chương trình Tiểu học mới*, Nxb Giáo dục.
4. Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán, 2001, *Đại cương Ngôn ngữ học, tập 1*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Đỗ Hữu Châu, 1998, *Đại cương Ngôn ngữ học, tập 2*, Nxb GD, Hà Nội.
6. Hoàng Phê (chủ biên), 1994, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb KHXH, Hà Nội.
7. Hoàng Thị Châu, 2004, *Phương ngữ học tiếng Việt*, Nxb KHXH, Hà Nội.
8. Hồ Lê, 1998, *Tiếng Việt ở bậc Tiểu học – một cách tiếp cận*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 4.
9. Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hồng Trọng Phiến, 2003, *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
10. Nguyễn Đức Tồn, 2002, *Tìm hiểu đặc trưng văn hóa dân tộc của ngôn ngữ và tư duy ở người Việt trong sự so sánh với những dân tộc khác*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.
11. Nguyễn Như Ý (chủ biên), 1999, *Từ điển đối chiếu từ địa phương*, Nxb Giáo dục.

12. Trần Thị Ngọc Lang, 1995, *Phương ngữ Nam Bộ*, Nxb KHXH.

13. Vương Hồng Sển, 1999, *Tự vị tiếng Việt miền Nam*, Nxb Tp.HCM.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 20-01-2010)

THÔNG BÁO

HỘI THẢO NGỮ HỌC TOÀN QUỐC 2010

Hơn chục năm nay, hằng năm Hội Ngôn ngữ học Việt Nam đã tổ chức đều đặn Hội thảo *Ngữ học Trẻ Xuân*. Đến năm 2009 đã có 14 cuộc Hội thảo được tiến hành. Kể từ lần thứ 14 này, hội thảo khoa học do Hội Ngôn ngữ học Việt Nam tổ chức đã được gọi là “Hội thảo *Ngữ học toàn quốc*”. Đây là hội thảo khoa học toàn quốc dành cho các nhà ngôn ngữ học, giáo viên của các môn tiếng Việt, ngữ văn, ngoại ngữ, các nhà báo, nhà nghiên cứu khoa học, các văn nghệ sĩ và những người thuộc các lĩnh vực liên quan, không phân biệt tuổi tác và địa vị xã hội. Đây là cơ hội gặp gỡ, tiếp xúc và trình bày, trao đổi kết quả học tập và nghiên cứu của những người yêu thích ngôn ngữ, văn chương, văn hoá ở nhiều địa phương trong toàn quốc.

Năm nay, hoà chung với không khí của cả nước kỉ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam phối hợp với Trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội và Khoa Ngôn ngữ học tổ chức **Hội thảo *Ngữ học toàn quốc lần thứ 15 tại Hà Nội***.

Hội thảo *Ngữ học toàn quốc 2010* cũng sẽ đi theo hướng đã được đề ra từ các Hội thảo trước (1996 đến 2009). Sau đây là những quy định và hướng dẫn cụ thể cho Hội thảo lần này:

1. Thời gian và địa điểm: Hội thảo tiến hành vào hạ tuần từ 18-25 tháng 4 năm 2010 tại trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội.

2. Nội dung của Hội thảo: Xoay quanh các chủ đề chính:

- *Ngôn ngữ học và Việt ngữ học*
- *Bản ngữ và ngoại ngữ*
- *Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*
- *Ngôn ngữ và văn hoá*
- *Ngôn ngữ với văn chương*
- *Ngôn ngữ và địa phương học*

Ban Tổ chức hi vọng nhận được nhiều báo cáo, tham luận về **những vấn đề ngôn ngữ - văn hoá liên quan trực tiếp đến tiếng Hà Nội** (các từ ngữ, lời ăn tiếng nói mang bản sắc địa phương, các địa danh gắn với lịch sử các sự kiện, nhân vật ở địa phương, ngôn ngữ trong các tác phẩm văn học của các nhà văn, nhà thơ, nhà biên kịch, trong ca từ của các nhạc sĩ, trong văn học dân gian địa